

UBND PHƯỜNG MÓNG CÁI 3
TRƯỜNG MẦM NON MÓNG CÁI 3



BẢNG CÔNG KHAI THỰC PHẨM HÀNG NGÀY

(Ngày 02 tháng 04 năm 2026)

Sĩ số: 841 trẻ (Trung tâm: 445; Hải Đông: 396 trẻ)

Tiền ăn: 23,520đ

STT	Tên thực phẩm	Đơn giá (đ)	Đơn vị tính	Tổng cộng		Điểm Trung tâm		Điểm Hải Đông	
				Số lượng	Thành tiền (đ)	Số lượng	Thành tiền (đ)	Số lượng	Thành tiền (đ)
Nhóm đi chợ					14.875.000		7.852.000		7.023.000
1	cà chua	45.000	Kg	18	810.000	10	450.000	8	360.000
2	rau mùi	85.000	Kg	1.2	102.000	0,7	59.500	0,5	42.500
3	Hành khô	60.000	Kg	0.8	48.000	0,4	24.000	0,4	24.000
4	Giò lụa	150.000	Kg	39.5	5.925.000	20,5	3.075.000	19	2.850.000
5	Cải ngọt	35.000	Kg	25	875.000	13	455.000	12	420.000
6	hành lá	45.000	Kg	1.5	67.500	0,8	36.000	0,7	31.500
7	Xương lợn	85.000	Kg	17.5	1.487.500	9,5	807.500	8	680.000
8	Bí đỏ	30.000	Kg	5	150.000	2	60.000	3	90.000
9	vang	30.000	Kg	24.5	735.000	14,5	435.000	10	300.000
10	Sá sùng khô	3.000.000	Kg	0.35	1.050.000	0,15	450.000	0,2	600.000
11	Bún khô	45.000	Kg	17	765.000	9	405.000	8	360.000
12	Tôm nõn	220.000	Kg	5.5	1.210.000	3	660.000	2,5	550.000
13	Thịt ghe bóc nõn	550.000	Kg	3	1.650.000	1,7	935.000	1,3	715.000
Nhóm xuất kho					4.905.000		2.612.500		2.292.500
1	Gạo tẻ	20.000	Kg	70.5	1.410.000	36	720.000	34,5	690.000
2	Nước mắm Nam Ngư	70.000	Lít	1	70.000	0,5	35.000	0,5	35.000
3	Muối iốt tinh	15.000	Kg	1	15.000	0,5	7.500	0,5	7.500
4	Dầu ăn meizan	60.000	Kg	7	420.000	4	240.000	3	180.000
5	Sữa Meta Care Kinder	230.000	Kg	13	2.990.000	7	1.610.000	6	1.380.000
Tổng chi					19.780.000		10.464.500		9.315.500
Tổng thu					19.780.320		10.466.400		9.313.920
Tồn ngày hôm trước					1.180		300		880
Thừa (Thiếu)					1.500		2.200		-700

841	23.520
445	
396	

tổng	HY	HĐ
320	1.900	-1.580